

## THÔNG TIN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Thông tin tuyển sinh/quản lý

Tên chương trình đào tạo

Thạc sĩ Y tế Công cộng

Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Thạc sĩ (Cấp độ 7)

Các thông tin sau đây được cung cấp cho sinh viên được nhận vào chương trình đào tạo:

Tổ chức trao bằng

Nơi giảng dạy

Đại học Trà Vinh

Đại học Trà Vinh

Khoa

Y - Dược

Tên bằng cấp được cấp

Thạc sĩ Y tế Công cộng

Mã chương trình

8720701

Chỉ tiêu tuyển sinh

- **Phương thức 1: Thi tuyển gồm các học phần:** Dịch tễ học cơ bản (học phần cơ bản), Tổ chức và quản lý y tế (học phần cơ sở ngành), Đạt trình độ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (học phần ngoại ngữ).
- **Phương thức 2:** Xét tuyển theo quy định
- **Phương thức 3:** Kết hợp xét tuyển và thi tuyển

***Danh mục ngành phù hợp:***

- Y tế công cộng
- Y học dự phòng

***Danh mục ngành gần và chương trình bổ sung kiến thức:***

- Y khoa
- Y học cổ truyền
- Dược học
- Điều dưỡng
- Hộ sinh
- Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Kỹ thuật hình ảnh y học
- Kỹ thuật phục hồi chức năng

- Dinh dưỡng
- Răng – hàm – mặt
- Kỹ thuật phục hình răng
- Quản lý bệnh viện
- Tổ chức và quản lý y tế
- Các ngành khác thuộc khối ngành khoa học sức khỏe

***Chương trình bổ sung kiến thức cho ngành gần***

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			TS	LT	TH
1		Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe	2	2	0
2		Nhân học và xã hội học sức khỏe	2	2	0
3		Các chương trình hỗ trợ có mục tiêu về y tế - dân số	2	2	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>

***Chương trình bổ sung kiến thức cho ngành khác***

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			TS	LT	TH
1		Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe	2	2	0
2		Nhân học và xã hội học sức khỏe	2	2	0
3		Các chương trình hỗ trợ có mục tiêu về y tế - dân số	3	2	1
4		Các bệnh thường gặp	2	2	0
5		Giải phẫu - Sinh lý	2	2	0
6		Vi sinh vật – Ký sinh trùng	2	2	0
7		Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	2	2	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>

<b>2. Thời lượng và hình thức học tập</b>				
Chương trình	Thời gian	Hình thức đào tạo	Ngày/tháng bắt đầu cho các chương trình	Cách thức
Thạc sĩ Y tế Công cộng	2 năm	Chính quy	Tháng 9	Trực tiếp, tại khuôn viên trường Đại học Trà Vinh
Ngôn ngữ học				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ đánh giá				
Tiếng Việt				
<b>3. Chương trình được công nhận bởi nghề nghiệp, luật hoặc quy định</b>				
Theo quy định của Luật giáo dục				
<b>4. Người quản lý chương trình đào tạo</b>				
TS.BS. Cao Mỹ Phượng				
<b>5. Vị trí việc làm</b>				
<p>Sau khi tốt nghiệp học viên có thể tham gia công tác tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ quan y tế (Sở Y tế, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, các cơ sở y tế tư nhân có lĩnh vực liên quan y tế công cộng).</li> <li>- Các đơn vị đào tạo: học viện, Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp Y, Dược...</li> <li>- Các viện nghiên cứu (Viện Y tế công cộng, Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur, Cục Y tế dự phòng, Cục Vệ sinh an toàn thực phẩm,...).</li> <li>- Làm việc, tham gia các dự án trong các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực y tế công cộng.</li> <li>- Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan lĩnh vực y tế công cộng như: các Trung tâm bảo trợ xã hội, Bảo hiểm y tế, UBND các cấp, xí nghiệp, nhà máy,...</li> </ul>				
<b>6. Mục đích và chuẩn đầu ra của chương trình</b>				
<b>6a. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Trà Vinh và chương trình học</b>				
<p>Triết lý giáo dục của Trường Đại học Trà Vinh và chương trình học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường Đại học có một triết lý giáo dục: "Dựa trên việc đào tạo năng lực thực tiễn, đạo đức và trách nhiệm, học sinh sẽ phát triển thành những con người tốt hơn để phục vụ một xã hội tốt đẹp hơn".</li> <li>• Triết lý giáo dục của chương trình là "Trách nhiệm - Năng lực - Thích nghi". "Trách nhiệm": Sinh viên Dược học hoàn toàn hiểu trách nhiệm cá nhân và chuyên nghiệp của mình đối với ngành công nghiệp dược và xã hội để thực hành bảo vệ sức khỏe cộng đồng tốt. "Năng lực": Sinh viên được đào tạo theo chương trình liên tục được cải tiến để đáp ứng các yêu cầu chuyên môn của xã hội. "Thích nghi": Sinh viên có kiến thức, kỹ năng và tư duy để thích nghi với môi trường và yêu cầu thay đổi liên tục.</li> </ul>				

## 6b. Mục tiêu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Y tế công cộng trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng ứng dụng đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động và các bên liên quan. Cụ thể, CTĐT thạc sĩ Y tế công cộng hướng tới mục tiêu đào tạo học viên:

<b>PO1</b>	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết chuyên môn về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý, và điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Y tế công cộng
<b>PO2</b>	Có khả năng áp dụng kiến thức kỹ thuật chuyên sâu về Y tế công cộng vào phát triển hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học
<b>PO3</b>	Có khả năng truyền bá, phổ biến tri thức; khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan đến Y tế công cộng.
<b>PO4</b>	Có khả năng phản biện, phê phán; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến trong lĩnh vực Y tế công cộng.
<b>PO5</b>	Có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
<b>PO6</b>	Có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ bậc 4 hoặc tương đương theo khung trình độ năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
<b>PO7</b>	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu phát triển các nghiên cứu khoa học chuyên sâu trong đào sâu lĩnh vực chuyên môn Y tế công cộng

## 6c. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

### ❖ Về kiến thức:

<b>PLO1</b>	Tổng hợp được những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực y tế công cộng một cách sáng tạo để thực hiện công việc theo dõi, giám sát tình hình sức khỏe, phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh.
<b>PLO2</b>	Vận dụng tư duy phản biện về các khía cạnh của Y tế công cộng để phân tích các pháp luật, quản lý, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe
<b>PLO3</b>	Kết hợp kiến thức YTCC và liên ngành trong việc phát triển các nguồn lực, lập kế hoạch, nghiên cứu khoa học và thực hiện các giải pháp YTCC mang tính chất đổi mới, sáng tạo

### ❖ Về kỹ năng

<b>PLO4</b>	Xây dựng kế hoạch dựa vào bằng chứng và giải pháp khả thi những vấn đề Y tế công cộng như phân tích vấn đề sức khỏe, vấn đề sức khỏe ưu tiên, điều tra dịch tễ học
<b>PLO5</b>	Viết được một đề án/dự án cho hoạt động/chương trình y tế nhằm vạch ra chiến lược giải quyết một số vấn đề y tế công cộng.
<b>PLO6</b>	Phát triển sáng tạo các nghiên cứu khoa học về Y tế công cộng nhằm cung cấp các bằng chứng khoa học cho các bên liên quan trong quá trình giải quyết các vấn đề sức khỏe.
<b>PLO7</b>	Xây dựng và đánh giá các dự án, chính sách y tế để giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.

<b>PLO8</b>	Kết hợp một cách sáng tạo kỹ năng truyền thông với việc huy động cộng đồng và các tổ chức có liên quan tham gia vào giải quyết các vấn đề sức khỏe.
<b>PLO9</b>	Vận dụng được kỹ năng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trong hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học.
<b>❖ Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:</b>	
<b>PLO10</b>	Đưa ra những sáng kiến quan trọng và kết luận mang tính chuyên gia trong hoạt động chuyên môn.
<b>PLO11</b>	Tổng hợp ý kiến tập thể trong quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.
<b>PLO12</b>	Phát huy khả năng chủ động, sáng tạo, tự định hướng, phổ biến tri thức, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; đồng thời vận động, khuyến khích đồng nghiệp phát triển chuyên môn liên tục.
<b>PLO13</b>	Tổng hợp ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong việc phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe
<b>6d. Thông tin khác</b>	
<b>i) Tham gia học</b>	
Chương trình nhằm trang bị cho học viên những kỹ năng làm việc trong ngành Y tế Công cộng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.	
<b>ii) Tổ chức đào tạo</b>	
Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên, nhân viên ngành y tế không phân biệt dân tộc, giới tính hay tình trạng khuyết tật.	
<b>7. Quy định của chương trình</b>	
<b>iii) Quốc tế hóa</b>	
Chương trình nhằm trang bị cho học viên các kỹ năng làm việc trong ngành Y tế công cộng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước, tương thích với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Chương trình có học viên của khu vực ASEAN tham gia học tập. Trường có các hoạt động giao lưu quốc tế tạo môi trường giao tiếp đa văn hóa.	
<b>iv) Khả năng nâng cao trình độ:</b>	
<p>Học viên ngành Y tế công cộng trình độ Thạc sĩ sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn để:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn về ngành Y tế công cộng trong và ngoài nước.</li> <li>- Học chuyển đổi trình độ chuyên khoa cấp 1, học trình độ chuyên khoa cấp 2 của ngành Y tế công cộng.</li> <li>- Học trình độ Tiến sĩ ngành Y tế công cộng tại các trường trong và ngoài nước.</li> <li>- Học trình độ Tiến sĩ các chuyên ngành gần với Y tế công cộng</li> </ul>	

**8. Cấu trúc chương trình****8a. Cấu trúc chương trình**

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Giờ tự học và giờ học khác	Thời gian đào tạo (năm)	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL			
<b>I. Kiến thức chung</b>				<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>105</b>		
1.	YTTH	801	Triết học	3	3	0	105	I	
2.	YTTA	802	Tiếng Anh	2	2	0	70	I	<i>Nếu học viên có nhu cầu</i>
<b>II. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành</b>				<b>39</b>	<b>26</b>	<b>13</b>	<b>1130</b>		
<b>2.1. Học phần bắt buộc</b>				<b>21</b>	<b>14</b>	<b>7</b>	<b>590</b>		
3.	YTYĐ	803	Y đức – Xã hội học	2	2	0	70	I	
4.	YTTK	804	Thống kê y sinh học thực hành	3	2	1	90	I	
5.	YTNC	805	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	3	2	1	90	I	
6.	YTQY	806	Quản lý – Chính sách y tế	2	2	0	70	I	
7.	YTQB	807	Quản lý bệnh viện	3	2	1	90	I	
8.	YHTT	808	Hệ thống thông tin quản lý sức khỏe	3	2	1	90	I	
9.	YTLĐ	809	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	3	2	1	90	I	
10.	YTCS	810	Thực hành quản lý bệnh không lây và	2	0	2		I	4 tuần

			phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, dịch bệnh mới nổi tại y tế cơ sở						
<b>2.2. Học phần tự chọn (HV chọn 18/36 tín chỉ)</b>				<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>	<b>540</b>		
11.	YTYC	811	Y học chứng cứ	3	2	1	90	I	
12.	YTDD	812	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	3	2	1	90	I	
13.	YTDA	813	Quản lý dự án y tế	3	2	1	90	I	
14.	YTNS	814	Nâng cao và giáo dục sức khỏe	3	2	1	90	I	
15.	YTDS	815	Dân số và sức khỏe	3	2	1	90	I	
16.	YTKY	816	Đánh giá kinh tế y tế	3	2	1	90	I	
17.	YTTH	817	Phòng chống thảm họa trong y tế công cộng	3	2	1	90	I	
18.	YTĐT	818	Đánh giá nguy cơ và tác động sức khỏe	3	2	1	90	I	
19.	YTAL	819	An toàn vệ sinh lao động phòng, chống bệnh nghề nghiệp	3	2	1	90	I	
20.	YTMS	820	Một sức khỏe và sức khỏe sinh thái	3	2	1	90	I	
21.	YTDU	821	Dịch tễ học ứng dụng	3	2	1	90	I	
22.	YTDT	822	Dịch tễ học dinh dưỡng	3	2	1	90	I	
<b>III. Thực tập</b>				<b>9</b>	<b>0</b>	<b>9</b>			
23.	YTCD	823	Thực tập cộng đồng	5	0	5		II	(10 tuần)

24.	YTBV	824	Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện	4	0	4		II	(8 tuần)
<b>IV. Tốt nghiệp</b>				<b>9</b>	<b>0</b>	<b>9</b>			
25.	YTTN	825	Đề án tốt nghiệp	9	0	9		II	Tối thiểu 3 tháng
<b>Tổng cộng</b>				<b>60</b>	<b>29</b>	<b>31</b>	1235		

### **8b. Thiết kế đánh giá chương trình**

#### **i) Liên hệ với giảng viên**

Chương trình Thạc sĩ Y tế công cộng định hướng nghiên cứu được thiết kế với 60 tín chỉ, 3 tín chỉ kiến thức chung, 39 tín chỉ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, 9 tín chỉ thực tập và 9 tín chỉ đề án tốt nghiệp. Về mặt lý thuyết, ngoài giờ học trên lớp, học viên còn tự học, tự nghiên cứu thông qua e-learning, làm bài tập, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, học viên còn học được từ chuyên đề. Về thực hành, bên cạnh thực hành tại lớp, học viên còn thực tập thực tế tại các cơ sở y tế và cộng đồng nhằm tạo cơ hội cho học viên áp dụng lý thuyết vào thực tế và học tập thông qua kinh nghiệm.

#### **ii) Tính tự học và nghiên cứu của sinh viên**

Hình thức học trực tiếp kết hợp trực tuyến, học viên chủ động được thời gian học, học mọi lúc, mọi nơi. Có môi trường trao đổi học tập trực tuyến, có sự giám sát và phản hồi trực tiếp của giảng viên. Ngoài ra, sinh viên có thể chủ động tìm kiếm tài liệu, tự học và nghiên cứu tại Trung tâm Học liệu của Nhà trường. Các học phần bao gồm thực hành tại bệnh viện, cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh, dưới sự giám sát, giảng dạy của các giảng viên lâm sàng giàu kinh nghiệm, giúp sinh viên có cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp và trải nghiệm trong môi trường đa dạng.

#### **iii) Đánh giá**

Các hình thức đánh giá quá trình: câu hỏi ngắn, thảo luận nhóm, báo cáo, tiểu luận và bài tập tích hợp của học viên trên lớp hoặc web (học trực tuyến). Các hình thức đánh giá cuối kỳ: thi trắc nghiệm, thi tự luận, báo cáo, tiểu luận,....

### **9. Đóng góp của đội ngũ giảng viên và/hoặc thỉnh giảng bên ngoài Trường**

Chương trình Y tế công cộng (trình độ Thạc sĩ) của Trường Đại học Trà Vinh có sự tham gia của các chuyên gia đến từ các bệnh viện và các trường đại học đào tạo khoa học sức khỏe tại Việt Nam. Các chuyên gia đến từ nhiều đơn vị khác nhau như: tỉnh Trà Vinh (BVĐK Trà Vinh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Trà Vinh); ngoài tỉnh Trà Vinh (TP Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Huế, Bình Định,...),... Căn cứ vào nhu cầu của chương trình đào tạo, Khoa Y – Dược đã triển khai hiệu quả mô hình đào tạo kết hợp Trường – Bệnh viện; các giảng viên tham gia giảng dạy lý thuyết và thực hành lâm sàng trong chương trình đều đến từ các bệnh viện, trường đại học, đều là những người có kinh nghiệm giảng dạy lâm sàng và có chứng chỉ hành nghề tại các cơ sở y tế trên cả nước trên 5 năm. Giảng viên chủ động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của học sinh dựa trên các quy định như điểm, phiếu tự đánh giá, sản phẩm,...



<b>10. Học qua trải nghiệm</b>
<b>10a. Chương trình yêu cầu học viên học qua trải nghiệm tại các cơ sở y tế</b>
Chương trình mang đến cơ hội học tập thông qua thực tập cộng đồng tại các cơ sở y tế dưới sự hướng dẫn của các giảng viên giàu kinh nghiệm, có đạo đức tốt và tâm huyết với nghề. Khóa học có 1 học phần chuyên ngành bắt buộc, 1 học phần chuyên ngành tự chọn và 3 học phần chuyên đề thực hành tại các cơ sở trong và ngoài tỉnh.
<b>10b. Hỗ trợ học viên học tập trải nghiệm</b>
Học thực tập thực tế thông qua thực hành các hoạt động tại cơ sở y tế, cộng đồng, phối hợp nhóm hiệu quả trong liên ngành để đạt được mục tiêu đề ra ở các cơ sở y tế là bắt buộc.
<b>10c. Hoạt động thực hành</b>
1. Thực hành thực tập thực tế tại các cơ sở y tế 2. Thực tập cộng đồng
<b>10d. Ai sẽ chịu trách nhiệm tìm nguồn cung ứng và sắp xếp?</b>
Trường có nhiệm vụ thiết lập mối quan hệ với các cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh, thiết lập và hợp tác với các cơ sở y tế trong quá trình đào tạo. Khoa có kế hoạch học tập cho học viên trong các cơ sở y tế và gửi cho học viên trước khi bước vào học kỳ thực tập. Trên cơ sở mạng lưới hơn 40 bệnh viện từ hạng III đến hạng I, Sở Y tế và các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo ngành Y tế trong và ngoài tỉnh. Đội ngũ giảng viên chính thức giảng dạy, thực tập cộng đồng được xét duyệt dựa trên tiêu chuẩn quy định của Ngành đào tạo, đều có chứng chỉ, có phương pháp giảng dạy thực hành, hầu hết trên 5 năm kinh nghiệm và tâm huyết với nghề. Bộ môn lựa chọn khoa lâm sàng tại các cơ sở y tế phù hợp với nội dung thực tập và điều kiện cơ sở thực tập theo quy định của Bộ Y tế. Hàng ngày, học viên phải báo cáo các hoạt động tại cơ sở y tế cho người hướng dẫn thực tập; Hàng tuần, giáo viên hướng dẫn thực tập phải báo cáo tiến độ và các hoạt động tại cơ sở y tế cho Bộ môn, Bộ môn báo cáo tiến độ học tập cho Nhà trường trong các cuộc họp khoa hàng tuần, hàng tháng. Kết thúc học phần thực tập thực tế, học viên nộp báo cáo hoàn chỉnh về nội dung môn học và trình bày kết quả trước hội đồng.
<b>10e. Thời gian học tập dựa trên công việc là gì?</b>
Thời gian học thông qua thực hành thực tế tại cơ sở y tế, cộng đồng tối thiểu là 4 tuần/học phần
<b>10f. Học tập dựa trên công việc sẽ được đánh giá như thế nào?</b>
Ngoài việc trở thành thạc sĩ y tế công cộng thực tập tại các cơ sở y tế, học viên còn phải đảm nhận các chuyên đề thực tế do các chuyên gia tại cơ sở y tế đưa ra. Kết quả của các mô-đun này là sự tham gia của người hướng dẫn cơ sở, người hướng dẫn và nhóm từ 3-11 học viên. Điểm là trung bình cộng trên 5 điểm, theo các thành phần: Điểm thực tập tại cơ sở y tế, điểm làm việc với giáo viên hướng dẫn, điểm sản phẩm và báo cáo tiểu luận, chuyên đề
<b>11. Học viên tham gia vào việc phát triển chương trình Các cựu học viên và/hoặc cựu học viên tham gia vào việc phát triển đề xuất/chương trình này như thế nào?</b>
Học viên được đóng góp ý kiến cải tiến chương trình thông qua khảo sát và các buổi gặp gỡ định kỳ, đột xuất của Bộ môn với học viên. Phản hồi của học viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên trong mỗi học phần được thu thập thông qua đánh giá trực tiếp hoặc trực tuyến vào cuối mỗi khóa học. Phản hồi về phương pháp giảng dạy được cung cấp thông qua khảo sát hàng năm và khảo sát đầu ra.

<b>12. Thay đổi chương trình</b>	
Chuyển đến chương trình sẽ được? (vui lòng chọn Có/Không)	Có
Di chuyển ra khỏi chương trình sẽ được? (vui lòng chọn Có/Không)	Không
<b>13. Chất lượng và tiêu chuẩn</b>	
Nhà trường có sẵn một khuôn khổ để đảm bảo rằng các tiêu chuẩn của chương trình được duy trì và chất lượng của trải nghiệm học tập được nâng cao. Các quy trình đảm bảo và nâng cao chất lượng bao gồm:	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người giám sát học thuật chương trình đào tạo tại các khoa của Hội đồng Khoa học và Đào tạo gồm đại diện học viên</li> <li>- Chương trình giám sát của các giám khảo bên ngoài đảm bảo tiêu chuẩn tại Trường Đại học Trà Vinh tương đương với các chương trình khác trong ngành</li> <li>- Quản lý theo dõi, đánh giá định kỳ hàng năm chương trình và tiếp thu ý kiến phản hồi của giảng viên, học viên thông qua Khảo sát sinh viên toàn quốc.</li> </ul>	
<b>14. Ngày mà thông số kỹ thuật chương trình này được viết hoặc sửa đổi</b>	
Ngày 31/12/2021	
<b>15. Ma trận thể hiện kết quả học tập của chương trình đạt được qua các khóa học như thế nào</b>	
Lưu ý: "I"=Giới thiệu; "R"=được củng cố và có cơ hội thực hành; "M"=thành thạo ở cấp cao cấp hoặc xuất cảnh	



12.	Quản lý dự án y tế				I TUA		I,R TUA	R TUA	R TUA					
13.	Nâng cao và giáo dục sức khỏe	R TA	R TUA	R TUA	M TUA		R TUA	R TUA			M,R TU			M,R TU
14.	Dân số và sức khỏe	I,R		I,R										
15.	Đánh giá kinh tế y tế	I TUA	I TUA	I,R TUA		R TUA		I,R TUA				I,R UA		
16.	Phòng chống thảm họa trong y tế công cộng	R TUA	R TUA											
17.	Đánh giá nguy cơ và tác động sức khỏe		I,R TUA					I,R TUA	I TUA			I,R TUA		
18.	An toàn vệ sinh lao động phòng, chống bệnh nghề nghiệp			I,R TUA	I,R TUA									
19.	Một sức khỏe và sức khỏe sinh thái	I TUA	R TUA		R TUA	R TUA			R TUA				R TUA	R TUA
20.	Dịch tễ học ứng dụng	R TUA	I TUA			R TUA	M TUA							R U
21.	Dịch tễ học dinh dưỡng	R TUA	R TUA			M TUA		M TUA						I,R U
22.	Thực tập cộng đồng	R UA	R UA		R UA			I UA	M UA		M UA	M UA	R UA	R UA
23.	Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện	I,R TUA							R TUA		I TUA	R TUA	M TUA	
24.	Đề án tốt nghiệp	M UA	M UA	M UA		M UA	M UA	R UA		R UA	M UA		M UA	

**Chú thích:**

<b>Trình độ năng lực (theo thang đo Bloom)</b>		
<b>CDR về nhận thức</b> (kiến thức và lập luận)	<b>CDR về Kỹ năng tâm lý vận động</b> (các kỹ năng đòi hỏi sự vận động và thao tác)	<b>CDR về Thái độ</b> (thái độ và giá trị của người học)
<b>1</b> (0.0 – 2.0): Có biết qua/có nghe qua	<b>1</b> (0.0 – 2.0): Có thể bắt chước	<b>1</b> (0.0 – 2.0): Thể hiện sự lắng nghe và tiếp nhận ý kiến của người khác
<b>2</b> (2.0 – 3.0): Có hiểu biết/có thể tham gia	<b>2</b> (2.0 – 3.0): Có thể thực hiện theo chỉ dẫn	<b>2</b> (2.0 – 3.0): Thể hiện sự sẵn sàng thay đổi ý thức, hành vi
<b>3</b> (3.0 – 3.5): Có khả năng ứng dụng	<b>3</b> (3.0 – 3.5): Có thể thực hiện thuần thục	<b>3</b> (3.0 – 3.5): Thể hiện sự tôn trọng một giá trị đạo đức
<b>4</b> (3.5 – 4.0): Có khả năng phân tích	<b>4</b> (3.5 – 4.5): Có thể phối hợp nhiều kỹ năng để thực hiện công việc	<b>4</b> (3.5 – 4.5): Có khả năng liên hệ, tổng hợp và hệ thống các giá trị đạo đức
<b>5</b> (4.0 – 4.5): Có khả năng đánh giá	<b>5</b> (4.5 – 5.0): Có thể thực hiện kỹ năng/công việc như một phản xạ tự nhiên.	<b>5</b> (4.5 – 5.0): Thể hiện tính cách/thái độ/giá trị bản thân đã được định hình/thay đổi.
<b>6</b> (4.5 – 5.0): Có khả năng tổng hợp/sáng tạo		

## MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN (Brief descriptions of courses)

TT	Học phần	Mô tả
1.	<b>Triết học</b>	Học phần có 4 chuyên đề: Chương 1 gồm các nội dung về đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông (trong đó có tư tưởng triết học Việt Nam, ở mức giản lược nhất) và triết học Mác. Chương 2 gồm các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó. Chương 3 đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Chương 4 phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội.
2.	<b>Y đức – Xã hội học</b>	Học phần cung cấp các nội dung của y đức, các khía cạnh xã hội học của các tổ chức và cơ sở y tế; sản xuất tri thức và lựa chọn phương pháp, các hành động và tương tác của các chuyên gia chăm sóc sức khỏe, và những tác động xã hội hoặc văn hóa (chứ không phải là lâm sàng hoặc cơ thể) về hành nghề y. Các lĩnh vực thường tương tác với xã hội học về nghiên cứu kiến thức, khoa học và công nghệ, và nhận thức luận xã hội. Xã hội học y tế cũng quan tâm đến những kinh nghiệm về chất lượng của bệnh nhân, thường xuyên làm việc ở ranh giới của y tế công cộng, công tác xã hội, nhân khẩu học và lão khoa để khám phá hiện tượng tại các giao điểm của các ngành khoa học xã hội và lâm sàng. Sự chênh lệch về sức khỏe thường liên quan đến các loại điển hình như tầng lớp và chủng tộc. Kết quả nghiên cứu xã hội học quan nhanh chóng trở thành một vấn đề pháp quy và chính trị.
3.	<b>Thống kê y sinh học thực hành</b>	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê y tế, áp dụng các phương pháp thống kê trong thu thập, trình bày và phân tích và phiên giải số liệu trong nghiên cứu y tế công cộng. Cung cấp kỹ năng sử dụng các phần mềm thống kê trong phân tích số liệu.
4.	<b>Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe</b>	Học phần cung cấp các kiến thức kỹ năng về: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các loại hình, phương pháp nghiên cứu khoa học hiện đại trong lĩnh vực y học, các kiến thức về phương pháp tiến

		hành, thực hiện một đề tài NCKH trong Y học, bao gồm: xác định, lựa chọn vấn đề khoa học; Xác định các chỉ tiêu nghiên cứu; Xây dựng được một đề cương, kế hoạch thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học. Phương pháp, xử lý và kiểm định các kết quả nghiên cứu, viết bản báo cáo tổng kết đề tài khoa học y học. Vị trí của học phần: Đóng vai trò và vị trí quan trọng trong toàn bộ quá trình học tập và nghiên cứu, đặc biệt là trong nghiên cứu và hoàn thành luận án tốt nghiệp. Quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo: Gắn bó và được hỗ trợ từ hầu hết các môn học, học phần khác.
5.	<b>Quản lý - Chính sách y tế</b>	Học phần Quản lý – Chính sách y tế nghiên cứu về các lý luận hệ thống y tế, quản lý các nguồn lực và các hoạt động y tế, chính sách y tế từ đó vận dụng lý luận vào thực tiễn về hệ thống y tế Việt Nam, quản lý các nguồn lực y tế và các hoạt động y tế tại các tuyến, xây dựng và thực hiện các chính sách y tế có hiệu quả. Học phần gồm những nội dung sau: Tổng quan về tổ chức và quản lý y tế; Tổ chức hệ thống y tế Việt Nam; Quản lý – Quản lý y tế; Quản lý các nguồn lực y tế; Tổ chức và quản lý hệ thống khám chữa bệnh; Tổ chức – Quản lý bệnh viện; Lập kế hoạch y tế; Theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động y tế; Đại cương về chính sách y tế; Quá trình xây dựng chính sách y tế; Một số chính sách lớn về y tế của Việt Nam hiện nay.
6.	<b>Quản lý bệnh viện</b>	Học phần quản lý bệnh viện cung cấp cho học viên những khái niệm và các nội dung về quản lý bệnh viện, xác định được các chức năng quản lý bệnh viện, thực hiện các kỹ năng quản lý cơ bản và vận dụng các khái niệm – nguyên lý của quản lý vào công việc thực tế của bệnh viện.
7.	<b>Hệ thống thông tin quản lý sức khỏe</b>	Học phần này sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin Y tế, các công cụ, phương pháp, số liệu và các nguồn thông tin giúp cho việc sử dụng thông tin hiệu quả cũng như hỗ trợ cho quá trình lập kế hoạch dựa trên bằng chứng. Hơn thế, môn học còn giúp cho học viên có cái nhìn tổng quan về hệ thống thông tin y tế, tầm quan trọng của thông tin y tế cho việc ra quyết định và hoạch định chính sách trong hệ thống y tế.
8.	<b>Kỹ năng truyền thông</b>	Học phần này sẽ giới thiệu đến học viên những nguyên lý kỹ năng truyền thông và các mô hình

	<b>giáo dục sức khỏe</b>	truyền thông giáo dục sức khỏe.
9.	<b>Thực hành quản lý bệnh không lây và phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, dịch bệnh mới nổi tại y tế cơ sở</b>	Học phần nhằm cung cấp các kiến thức và phương pháp để khống chế tốc độ gia tăng tiến tới làm giảm tỷ lệ người mắc bệnh tại cộng đồng, hạn chế tàn tật và tử vong sớm do mắc các bệnh không lây nhiễm, trong đó ưu tiên phòng, chống các bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản. Bên cạnh đó, trang bị kỹ năng cho học viên về phòng chống dịch bệnh mới nổi tại địa phương và góp phần bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe của nhân dân và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.
10.	<b>Y học chứng cứ</b>	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức khái niệm cơ bản về y học chứng cứ, đánh giá đúng các loại chứng cứ trong y học lâm sàng. Có kỹ năng xây dựng câu hỏi lâm sàng đồng thời áp dụng được các chứng cứ để giải quyết các vấn đề liên quan.
11.	<b>Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm</b>	Học phần cung cấp các kiến thức kỹ năng về: Các vấn đề dinh dưỡng và thực phẩm hiện nay ở Việt Nam, một số phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng (nhân trắc học, khẩu phần ăn) và phương pháp phát hiện, xử trí ô nhiễm, ngộ độc thực phẩm tại cộng đồng.
12.	<b>Quản lý dự án y tế</b>	Học phần này giải thích các khái niệm chung về quản lý dự án, mô tả và các bước trong qui trình thiết kế dự án như xây dựng mô hình và các phương pháp triển khai dự án, nội dung thẩm định dự án, tổ chức nhân lực thực hiện dự án, lập kế hoạch tài chính dự án, các công việc cần thiết để viết báo cáo và đóng dự án...
13.	<b>Nâng cao và giáo dục sức khỏe</b>	Học phần đề cập đến các phương pháp và kỹ năng mà một chuyên viên YTCC cần phải có liên quan đến thực hành NCSK. Với phương pháp dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, mỗi tương tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực đối với các nhóm xã hội và cộng đồng. Vai trò của chuyên viên YTCC là xây dựng nhóm, cộng đồng giúp điều hoà các vị trí, vai trò của các thành viên trong nhóm; cộng đồng tìm cách thúc đẩy để các thành viên tham gia tích cực vào các hoạt động NCSK của nhóm, cộng đồng; đánh giá sự biến chuyển hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng



		như quá trình phát triển của cộng đồng.
14.	<b>Dân số và sức khỏe</b>	Học phần cung cấp các vấn đề cơ bản về dân số trên toàn cầu và những yếu tố chính tác động đến khuynh hướng phát triển dân số; phân tích những điểm mạnh và yếu của nguồn số liệu dân số; áp dụng những phương pháp dân số học cơ bản và các chỉ số về dân số học, mối liên quan giữa dân số và phát triển. Cung cấp những vấn đề chính về dân số Việt Nam dựa trên các số liệu và chính sách dân số.
15.	<b>Đánh giá kinh tế y tế</b>	Đánh giá kinh tế y tế là học phần có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho học viên lý thuyết và thực hành các phương pháp đánh giá kinh tế y tế, các bước thực hiện nghiên cứu đánh giá kinh tế y tế, phương pháp đo lường chi phí và hiệu quả, các kỹ thuật mô hình hóa, phân tích độ nhạy và tính không chắc chắn... Với các kiến thức và kỹ năng được trang bị từ môn học này, học viên có khả năng tham gia thiết kế nghiên cứu, thu thập số liệu, áp dụng kỹ thuật mô hình hóa, phiên giải và trình bày được các kết quả của các nghiên cứu đánh giá kinh tế y tế.
16.	<b>Phòng chống thảm họa trong y tế công cộng</b>	Học phần Phòng chống thảm họa trong y tế công cộng bao gồm những kiến thức cơ bản về thảm họa trong y tế và cộng đồng cũng như những phương pháp đề ứng phó thảm họa, từ đó ứng dụng vào thực tiễn trong việc ứng phó thiên tai/ thảm họa.
17.	<b>Đánh giá nguy cơ và tác động sức khỏe</b>	Học phần trình bày được các yếu tố nguy cơ từ môi trường và các bệnh có liên quan đến môi trường và để có thể đưa ra được các biện pháp kiểm soát các bệnh này. Tiến hành lượng giá được những tác động từ các chất ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, giúp nhà quản lý đưa ra được các quyết định, các giải pháp nhằm quản lý các nguy cơ đó. Xác định được vai trò của công tác truyền thông cũng như vai trò của cộng đồng trong quản lý các nguy cơ từ môi trường gây ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng
18.	<b>An toàn vệ sinh lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp</b>	Học phần cung cấp các kiến thức kỹ năng về: Học phần An toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp trong cơ sở y tế, công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất bao gồm những kiến thức cơ bản về việc bảo vệ an toàn cho người lao động tránh khỏi những ảnh hưởng của những yếu tố nguy hiểm có hại và

		tạo ra điều kiện làm việc thuận lợi nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả.
19.	<b>Một sức khỏe và sức khỏe sinh thái</b>	Nội dung của học phần nhằm giới thiệu các kiến thức cơ bản về cách tiếp cận một sức khỏe (One health) trong nghiên cứu các vấn đề sức khỏe; cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản để giải quyết vấn đề sức khỏe cụ thể trong cộng đồng bao gồm các phương pháp tiếp cận liên ngành và các lý thuyết cơ bản về Một sức khỏe. Thông qua môn học này, học viên sẽ được trang bị các khái niệm cơ bản và các năng lực cốt lõi về Một sức khỏe, từ đó có khả năng xác định được các vấn đề sức khỏe trong hệ sinh thái và đề xuất hướng giải quyết với sự tham gia của các bên liên quan (VD: y tế, thú y, môi trường và các ngành khác).
20.	<b>Dịch tễ học ứng dụng</b>	Học phần giúp học viên làm quen với nghiên cứu khoa dựa trên kiến thức dịch tễ học trong các vấn đề sức khỏe cộng đồng, cũng như các nghiên cứu trên lâm sàng. Quan tâm đến các vấn đề sức khỏe công cộng (tăng huyết áp, tâm thần, chấn thương, nghiện các chất,...) và thực hiện sàng lọc, giám sát sức khỏe công cộng.
21.	<b>Dịch tễ học dinh dưỡng</b>	Học phần giúp học viên biết được sự phân bố các vấn đề sức khỏe liên quan đến dinh dưỡng, sàng lọc và giám sát, đánh giá dinh dưỡng trong cộng đồng. Trình bày được các phương pháp nghiên cứu trong dinh dưỡng, mối liên quan giữa dinh dưỡng và bệnh tật, hiệu quả của các chương trình can thiệp dinh dưỡng trong cộng đồng.
22.	<b>Thực tập cộng đồng</b>	Học phần Thực tập cộng đồng cung cấp cơ hội cho học viên tiếp tục áp dụng và củng cố những kiến thức đã được học trong năm đầu của chương trình Thạc sĩ Y tế công cộng. Học viên sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, huy động cộng đồng, xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và đề xuất biện pháp và kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên đã được xác định.
23.	<b>Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện</b>	Học phần Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện cung cấp cho học viên những khái niệm và các nội dung về quản lý và đánh giá bệnh viện, xác định được các chức năng quản lý và đánh giá bệnh viện,

		thực hiện các kỹ năng quản lý và đánh giá cơ bản và vận dụng các khái niệm – nguyên lý của quản lý và đánh giá vào công việc thực tế của bệnh viện.
24.	<b>Đề án tốt nghiệp</b>	Đề án tốt nghiệp là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

## SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG(ỨNG DỤNG)



